

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2024/HSPT

Ngày: 29 - 01 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Triết
2. Ông Văn Công Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 307/2023/TLPT-HS ngày 28/12/2023, đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 347/2023/HS-ST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo kháng cáo: **NGUYỄN VĂN L**, sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn TP, xã QT, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T9 và bà Mai Thị T8; bị cáo có vợ là Nông Thị Hồng M9 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 21/6/2023 cho đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L làm nghề kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Isuzu, số loại D-MaxLs, màu đỏ, biển số 47C-XXX.XX. Ngày 26/12/2019, Nguyễn Văn L đã thỏa thuận bán chiếc xe ô tô biển số 47C-XXX.XX cho anh Chu Anh D9, sinh năm 1994, trú tại 129/2 LH, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá 150.000.000 đồng, hợp đồng chuyển nhượng mua bán xe được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ9, ở địa

chỉ số 38 NQ, phường TL, thành phố B. Đến ngày 27/12/2019, phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058255 đối với xe ô tô nhãn hiệu Isuzu, số loại D-MaxLs, màu đỏ, biển số 47C-XXX.XX cho anh Chu Anh D9. Sau đó, L thuê lại chiếc xe ô tô biển số 47C-XXX.XX từ Anh D9 để làm phương tiện đi lại thì Anh D9 đồng ý cho L thuê chiếc xe với giá 10.250.000 đồng/tháng. Đến đầu năm 2021, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên L đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47C-XXX.XX nhằm mang chiếc xe ô tô đi cầm cố lấy tiền. L lên mạng xã hội Facebook tìm và thuê người làm giả một Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 057383 đối với xe ô tô nhãn hiệu Isuzu, số loại D-MaxLs, màu đỏ, biển số 47C-XXX.XX mang tên Nguyễn Văn L với giá 3.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, L nhận Giấy chứng nhận và trả số tiền 3.000.000 đồng cho người giao hàng. Ngày 18/02/2021, L đem chiếc xe ô tô biển số 47C-XXX.XX cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 057383 mang tên Nguyễn Văn L (đã được làm giả) đến tiệm cầm đồ của anh Võ Văn L8 và thỏa thuận cầm cố chiếc xe ô tô với giá 180.000.000 đồng, vì trước khi bán xe cho anh Chu Anh D9, L đã cầm cố chiếc xe ô tô biển số 47C-XXX.XX cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 057383 mang tên Nguyễn Văn L (giấy chứng nhận thật) nên anh L8 đã tin tưởng và đồng ý cho L cầm cố chiếc xe trong thời hạn từ ngày 18/02/2021 đến 28/02/2021. Đến ngày 28/02/2021, L đến tiệm cầm đồ của anh L8 và chuộc chiếc xe cùng Giấy chứng nhận. Đến ngày 15/6/2021, L tiếp tục đem chiếc xe ô tô biển số 47C-XXX.XX cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 057383 mang tên Nguyễn Văn L (đã được làm giả) đến tiệm cầm đồ của anh Võ Văn L8 và thỏa thuận cầm cố chiếc xe ô tô với giá 180.000.000 đồng trong thời hạn từ ngày 15/6/2021 đến 05/7/2021. Sau khi hết hạn cầm cố chiếc xe, do không có tiền chuộc xe về nên L đã thỏa thuận với anh L8 cho L đóng tiền lãi hàng tháng với số tiền 10.000.000 đồng thì anh L8 đồng ý, đến ngày 05/01/2022, do không có khả năng đóng tiền lãi nên L đã bỏ trốn khỏi địa phương. Sau đó anh Võ Văn L8 nhiều lần liên lạc yêu cầu L đến trả tiền và chuộc xe ô tô thì L không có tiền chuộc nên đã đồng ý để cho anh L8 bán chiếc xe ô tô trên, L cung cấp cho anh L8 hình ảnh giấy chứng minh nhân dân của L, giấy chứng minh nhân dân của vợ L là chị Nông Thị Hồng M9, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, để anh L8 làm thủ tục chuyển nhượng mua bán chiếc xe ô tô biển số 47C-XXX.XX cho người khác. Đến ngày 29/11/2022, khi anh Võ Văn L8 đến Văn phòng công chứng Đ9 để làm thủ tục bán chiếc xe ô tô biển số 47C-XXX.XX cho người khác thì anh Chu Anh D9 phát hiện nên trình báo đến cơ quan công an.

Tại Kết luận giám định số 359/KL-KTHS ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058255 mang tên Chu Anh D9 là thật;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 057383 mang tên Nguyễn Văn L là giả: Bản in, hình dấu tròn được làm giả bằng phương pháp in phun màu, chữ ký giả trực tiếp.

Tại Kết luận giám định số 443/KL-KTHS ngày 20/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Isuzu, số loại D-MaxLS, màu đỏ, biển số 47C-XXX.XX có số máy, số khung không thay đổi.

Tại Kết luận định giá tài sản số 104/KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Giá trị của chiếc xe ô tô trên đến thời điểm bị chiếm đoạt là 185.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm sơ thẩm số: 347/2023/HSST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 06 (Sáu) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung của các tội trên, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/6/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/12/2023, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” điểm c khoản 2 Điều 175 và điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn L, thấy rằng mức tổng hợp hình phạt

của hai tội 08 năm 06 tháng tù cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo L là có phần nghiêm khắc, bị cáo có nhân thân tốt vì vậy cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L – sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 347/2023/HSST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 02 (Hai) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung của các tội trên, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Bị cáo không tranh luận gì chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/12/2023, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Cuối năm 2019, sau khi Nguyễn Văn L bán xe ô tô cho anh Chu Anh D9 và L đã thuê lại xe ô tô của D9 để sử dụng. Đến đầu năm 2021, L đã thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe đối với xe ô tô biển số 47C-XXX.XX mang tên Nguyễn Văn L. Sau đó, bị cáo nhiều lần mang xe ô tô biển số 47C-XXX.XX và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đã được làm giả đi cầm cố cho anh Võ Văn L8 để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn L, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm bất hợp pháp đối với quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất ổn định trật tự xã hội. Bị cáo có đủ năng lực hành vi dân sự để nhận thức được hành vi lợi dụng lòng tin của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Mặt khác, hành vi sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan, tổ chức Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu giấy tờ khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng hợp hình phạt của bị cáo về hai tội với mức hình phạt là 08 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 347/2023/HSST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 347/2023/HSST ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 06 (Sáu) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung của các tội trên, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/6/2023.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND tp. BMT;
- VKSND tp. BMT ;
- Công an tp. BMT ;
- Chi cục THADS tp. BMT ;
- T.H.A HS Công an tp. B;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk.
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung